

BẢNG ĐẶC TẢ KỸ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 10 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

TT	Nội dung kiến thức/kỹ năng	Đơn vị kiến thức/kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Mức độ nhận thức (tỉ lệ %)				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1	ĐỌC HIỂU	Bài 1 Sức hấp dẫn của truyện kể (Văn bản truyện dân gian, truyện trung đại, truyện hiện đại ngoài chương trình)	Nhận biết: - Xác định được phương thức biểu đạt, thể loại của văn bản/đoạn trích. - Xác định được cốt truyện; không gian, thời gian, nhân vật, lời người kể chuyện ngôi thứ ba và lời nhân vật trong tác phẩm truyện, tình huống truyện. Thông hiểu: - Hiểu được đặc sắc về nội dung của văn bản/đoạn trích: chủ đề, tư tưởng, ý nghĩa của hình tượng nhân vật, ý nghĩa của sự việc chi tiết tiêu biểu, ý nghĩa của tình huống truyện... - Hiểu được đặc sắc về nghệ thuật của văn bản: nghệ thuật trần thuật, xây dựng nhân vật, chi tiết tiêu biểu... - Hiểu được một số yếu tố của truyện nói chung. Vận dụng: - Nhận xét giá trị của các yếu tố nội	15	25	20		60

			dung, hình thức trong văn bản. - Rút ra được thông điệp, bài học cho bản thân từ nội dung văn bản.					
		Bài 2 Vẻ đẹp của thơ ca (Văn bản thơ trung đại, thơ hiện đại ngoài chương trình)	Nhận biết: - Xác định thông tin được nêu trong văn bản/đoạn trích. - Nhận diện được phương thức biểu đạt, thao tác lập luận, phong cách ngôn ngữ, biện pháp tu từ, thành ngữ, điển cố... trong văn bản/đoạn trích. Thông hiểu: - Hiểu được nghĩa của từ/câu trong ngữ cảnh; nội dung của văn bản/đoạn trích. - Hiểu được cách triển khai lập luận, ngôn ngữ biểu đạt; giá trị của thành ngữ, điển cố, các biện pháp tu từ... trong văn bản/đoạn trích. Nhận biết: - Xác định được phương thức biểu đạt, thể thơ, từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp đối, biện pháp tu từ, nhân vật trữ tình. - Xác định được chi tiết nghệ thuật đặc sắc của văn bản thơ. - Nhận biết được lỗi dùng từ, lỗi về					

			trật tự từ trong dòng thơ. Thông hiểu: - Hiểu được đặc sắc về nội dung của văn bản thơ: tâm tư, tình cảm của nhân vật trữ tình... - Hiểu được đặc sắc về nghệ thuật của văn bản thơ: ngôn ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ... - Chỉ ra được điểm gần gũi về nội dung, nghệ thuật của các văn bản thơ thuộc các nền văn hóa khác nhau; Vận dụng: - Nhận xét ý nghĩa, giá trị của các yếu tố nội dung, hình thức của văn bản thơ - Rút ra được thông điệp, bài học cho bản thân từ nội dung của văn bản thơ;					
		Bài 3. Nghệ thuật thuyết phục trong văn nghị luận (VB/đoạn trích nghị luận ngoài chương trình)	Nhận biết: - Xác định thông tin được nêu trong văn bản/đoạn trích. - Nhận diện được phương thức biểu đạt, thao tác lập luận, phong cách ngôn ngữ, biện pháp tu từ,... trong văn bản/đoạn trích. Thông hiểu: - Hiểu được nghĩa của từ/câu trong ngữ cảnh; nội dung của văn bản/đoạn trích.					

			- Hiểu được cách triển khai lập luận, ngôn ngữ biểu đạt; các biện pháp tu từ... trong văn bản/đoạn trích. - Hiểu được những đặc điểm cơ bản của văn nghị luận thể hiện trong văn bản/đoạn trích. Vận dụng: - Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích; bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề đặt ra trong văn bản/đoạn trích. - Rút ra thông điệp/bài học cho bản thân.					
		Bài 4. Sức sống của sử thi (Một trích đoạn sử thi ngoài chương trình)	Nhận biết: - Nhận diện được các yếu tố của sử thi: thời gian, không gian, cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và lời nhân vật; - Nhận biết đề tài, các chi tiết tiêu biểu, các nhân vật và mối quan hệ giữa các nhân vật. Thông hiểu: - Hiểu được nội dung của văn bản/đoạn trích. - Hiểu được ý nghĩa các chi tiết tiêu					

			biểu, ý nghĩa của tác phẩm; Vận dụng: - Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích; - Bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề đặt ra trong văn bản/đoạn trích. - Rút ra thông điệp/bài học cho bản thân.					
		Bài 5. Tích trò sân khấu dân gian (Một trích đoạn tích trò sân khấu dân gian ngoài chương trình)	Nhận biết: - Xác định một số yếu tố của văn bản chèo/tuồng: đề tài, nhân vật, lời thoại, phương thức lưu truyền.... - Nhận diện được những đặc điểm trong ngôn ngữ chèo/tuồng; Thông hiểu: - Hiểu được ý nghĩa của lời thoại, đặc sắc trong nội dung và nghệ thuật của tích trò dân gian; Phát hiện được các giá trị đạo đức, văn hóa từ văn bản, đoạn trích chèo/tuồng đó. Vận dụng: - Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích; bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề đặt ra trong văn bản/đoạn trích. - Rút ra thông điệp/bài học cho bản					

			thân.					
2	Làm văn	Nghị luận văn học (Một văn bản/đoạn trích thơ, truyện hoặc văn bản nghị luận)	Nhận biết: - Xác định được kiểu bài nghị luận; vấn đề nghị luận. - Giới thiệu tác giả, đoạn trích /tác phẩm. - Nêu nội dung cảm hứng, hình tượng nhân vật trữ tình, đặc điểm nghệ thuật nổi bật... của đoạn trích/tác phẩm đó. Thông hiểu: - Diễn giải những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích theo yêu cầu của đề; - Lí giải được một số đặc điểm về thể loại thể hiện trong đoạn trích/tác phẩm đó. Vận dụng: - Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để phân tích, cảm nhận về nội dung, nghệ thuật của đoạn trích /tác phẩm. - Nhận xét về nội dung, nghệ thuật của đoạn trích/tác phẩm đó và vị trí, đóng góp của tác giả.	10	15	10	5	40

			Vận dụng cao: - So sánh với các tác phẩm khác; liên hệ với thực tiễn; vận dụng kiến thức lí luận văn học để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận. - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, bài văn giàu sức thuyết phục.					
		Nghị luận xã hội về tư tưởng đạo lí	Nhận biết: - Xác định được tư tưởng, đạo lí cần bàn luận. - Xác định được cách thức trình bày bài văn (500 chữ) Thông hiểu: - Diễn giải về nội dung, ý nghĩa của tư tưởng, đạo lí. Vận dụng: - Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận phù hợp để triển khai lập luận, bày tỏ quan điểm của bản thân về tư tưởng, đạo lí. Vận dụng cao: - Huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận về tư tưởng đạo lí.					

			- Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, đoạn văn giàu sức thuyết phục.					
		Nghị luận xã hội về hiện tượng đời sống	Nhận biết: - Xác định được hiện tượng đời sống cần bàn luận. - Xác định cách thức trình bày bài văn (500 chữ). Thông hiểu: - Hiểu được thực trạng/nguyên nhân/các mặt lợi - hại, đúng - sai của hiện tượng đời sống. Vận dụng: - Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận phù hợp để triển khai lập luận, bày tỏ quan điểm của bản thân về hiện tượng đời sống. Vận dụng cao: - Huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận về hiện tượng đời sống. - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, bài văn giàu sức thuyết phục.					

Tổng				30	40	25	5	100
Tỉ lệ chun g				70		30		100

Môn: Ngữ văn; Lớp 10 - Năm học: 2022 - 2023

Thời gian làm bài: 90 phút

TT	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá								Tổng
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Đọc	Văn bản nghị luận	3		5			2			10
		Tỉ lệ %	15		25			20			60
2	Viết	Viết văn bản nghị luận									1
		Tỉ lệ%		10		15		10		5	40
Tổng			15	10	25	15		30		5	100
Tỉ lệ (%)			30		40		25		5		
Tỉ lệ chung (%)			70				30				

* **Lưu ý:** Kĩ năng viết có 01 câu bao gồm 04 cấp độ

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I

Môn: Ngữ văn; Lớp 10 - Năm học: 2022 - 2023

Thời gian làm bài: 90 phút

- Cách tính điểm của mỗi câu hỏi được quy định chi tiết trong *Đáp án và hướng dẫn chấm*.

TT	Kĩ năng	Đơn vị kiến thức/ Kĩ năng	Mức độ đánh giá	Mức độ nhận thức (tỉ lệ %)				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1	Đọc hiểu	Văn bản nghị luận	Nhận biết: Nhận biết được phương thức biểu đạt, biện pháp tu từ trong văn bản, từ ngữ, câu văn	3	5	2		10
			Thông hiểu: - Nêu nội dung chính, ý nghĩa của văn bản - Trình bày được mục đích, quan điểm của người viết					
			Vận dụng: - Nêu được những thông điệp từ nội dung văn bản.					
			Tỉ lệ%	15%	25%	20%		60%
2	Viết	Viết bài luận về phẩm chất trung thực	Nhận biết: - Xác định được cấu trúc bài luận - Xác định rõ luận đề của bài viết. Thông hiểu:					

			- Thể hiện được quan điểm riêng của bản thân về phẩm chất trung thực trong cuộc sống; - Biết liên hệ những dẫn chứng để làm rõ vấn đề; Vận dụng: -Sử dụng nhuần nhuyễn các thao tác lập luận để làm sáng tỏ vấn đề và thuyết phục; Vận dụng cao Thuyết phục, truyền cảm hứng và gợi suy ngẫm cho người đọc.					
			Tỉ lệ %	10%	15%	10%	5%	40%
Tổng số câu				3	5	2	1	11
Tỉ lệ				25%	40%	30%	5%	100%
Tỉ lệ chung				70%		30%		100%

- Cách tính điểm của mỗi câu hỏi được quy định chi tiết trong *Đáp án và hướng dẫn chấm*.

Thời gian: 90 phút (không kể thời gian giao đề)

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản:

SỰ TRUNG THỰC CỦA TRÍ THỨC

(1) Theo nghĩa truyền thống, kẻ sĩ là một người có học. Có học nên biết lẽ phải trái để “tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ”. Cái dũng của họ không phải cái dũng chém tướng đoạt thành mà là hệ quả của cái trí, nhằm làm sáng tỏ đạo thánh hiền. Đó là một công việc khó khăn, thậm chí nguy hiểm.

(2) Không phải lúc nào cũng có một Chu Văn An trước sự lộng hành của đám sùng thần, dám dâng thất phẩm sớ và sau khi bị khước từ, kiên quyết từ quan về dạy học.

(3) Không phải lúc nào cũng có anh em thái sử Bá thời Xuân Thu. Thôi Trữ sau khi giết vua Tề, ra lệnh cho thái sử Bá phải ghi vào sử: “Tề Trang Công bị bạo bệnh mà chết”. Bá ghi: “Năm Ất Hợi, tháng Năm, Thôi Trữ giết vua”. Thôi Trữ nổi giận, lôi Bá ra chém. Bá có ba người em. Hai người noi gương anh đều bị chém. Người em út vẫn điềm nhiên viết: “Năm Ất Hợi, tháng Năm, Thôi Trữ giết vua”. Trữ quát: “Ba anh người đều đã bị chém, người không sợ sao?” Người này nói: “Việc của quan thái sử là ghi lại sự thật, nếu xuyên tạc thì bị chết chém còn hơn”.

(4) Nhưng không hiểu sao tôi vẫn không thích từ “kẻ sĩ” lắm. Có lẽ do màu sắc hơi “hoài cổ” của nó chăng? Đạo thánh hiền quả là cao quý và đáng trân trọng nhưng nó là một cái gì đã có. Kẻ sĩ thời nay chính là những trí thức do tính rộng mở của từ này. Nhất là vào thời đại nền kinh tế tri thức phát triển với sự bùng nổ của khoa học, đặc biệt ngành tin học. Người trí thức không những tôn trọng thánh hiền mà còn là kẻ dám mày mò vào cõi không biết, đấu tranh với những định kiến của hiện tại để phát hiện những sự thật cho tương lai.

(5) Một nước đang phát triển như nước ta cần nhanh chóng đào tạo một đội ngũ trí thức đông đảo để khỏi tụt hậu. Muốn vậy chúng ta phải lập cho được một môi trường lành mạnh trên nền tảng sự trung thực trí thức. Ít lâu nay báo chí nói nhiều đến nạn bằng giả. Đó là một hiện tượng xã hội nghiêm trọng, cần phải loại bỏ. Nhưng theo tôi, nó không nghiêm trọng bằng hội chứng “bằng thật, người giả” vì hội chứng này có nguy cơ gây sự lẫn lộn trong hệ giá trị và làm ô nhiễm môi trường đạo đức một xã hội trung thực, trong đó thật/ giả phải được phân định rạch ròi và minh bạch. Chúng ta thường nói nhiều đến tài năng và trí thức. Nhưng tài năng và trí thức chỉ có thể phát triển lâu dài và bền vững trên nền tảng một xã hội trung thực.

(Trích từ *Đối thoại với đời & thơ*, Lê Đạt, NXB Trẻ, 2008, tr.14-15)

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong văn bản là

- A. tự sự.
- B. nghị luận.
- C. miêu tả.
- D. biểu cảm.

Câu 2. Theo nghĩa truyền thống, kẻ sĩ là người như thế nào?

- A. Một người có học.
- B. Một người giỏi võ.
- C. Một người giỏi ứng khẩu.
- D. Một người có khí phách lắm liệt.

Câu 3. Ý nào nêu chính xác những biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn (2) và đoạn (3):

- A. So sánh và điệp ngữ
- B. Ẩn dụ và liệt kê
- C. Điệp ngữ và liệt kê
- D. Ẩn dụ và điệp ngữ

Câu 4. Ý nào nói *không đúng* về tác dụng của việc dẫn lại câu chuyện Chu Văn An và anh em thái sử Bá thời Xuân Thu trong văn bản?

- A. Làm sáng tỏ cái dũng khí của kẻ sĩ thời xưa.
- B. Làm sáng tỏ cái nguy hiểm để cảnh báo kẻ sĩ nên tránh.
- C. Làm sáng tỏ cái dũng khí bất chấp nguy hiểm của kẻ sĩ.
- D. Làm sáng tỏ phẩm chất trung thực của kẻ sĩ.

Câu 5. Hội chứng “*bằng thật, người giả*” mà tác giả đề cập trong văn bản được hiểu là:

- A. người dùng bằng giả nhưng tỏ ra như dùng bằng thật.
- B. người dùng bằng thật nhưng sống giả dối.
- C. người dùng bằng thật nhưng trình độ kém cỏi, không tương xứng với bằng cấp.
- D. người dùng bằng giả nhưng có trình độ cao, không tương xứng với bằng cấp.

Câu 6. Mục đích của việc so sánh kẻ sĩ ngày xưa và trí thức ngày nay là gì?

- A. Làm nổi bật cái dũng khí của kẻ sĩ xưa khi bảo vệ đạo thánh hiền.
- B. Khẳng định trí thức xưa và nay đều phải đối mặt với nguy hiểm.
- C. Nhấn mạnh điểm mới của trí thức ngày nay so với kẻ sĩ ngày xưa.
- D. Khẳng định kẻ sĩ ngày xưa dám chết vì đấu tranh cho sự thật.

Câu 7. Ý nào sau đây khái quát đầy đủ nội dung chính của văn bản?

- A. Bàn về phẩm cách trung thực của trí thức và xây dựng xã hội trung thực để tài năng, trí thức phát triển bền vững.
- B. Bàn về những kẻ sĩ dám đấu tranh để bảo vệ sự thật và sự cần thiết phải xây dựng một xã hội trung thực.
- C. Bàn về vai trò của đạo thánh hiền và sự cần thiết phải học tập những tấm gương dám chết bởi đạo thánh hiền.
- D. Bàn về sứ mệnh của trí thức ngày nay: phải biết đấu tranh với những định kiến của hiện tại để phát hiện những sự thật cho tương lai.

Trả lời câu hỏi:

Câu 8. Vì sao tác giả cho rằng: *“tài năng chỉ có thể phát triển lâu dài và bền vững trên nền tảng một xã hội trung thực”*?

Câu 9. Thông điệp ý nghĩa nào được tác giả gửi gắm qua văn bản?

Câu 10. Ngoài phẩm chất trung thực, theo anh/chị, người trí thức trong thời đại 4.0 còn cần có thêm những phẩm chất nào?

II. LÀM VĂN (4 điểm)

Hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 500 chữ) bày tỏ suy nghĩ của anh/chị về phẩm chất trung thực trong cuộc sống.

---- Hết ----

Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm

SỞ GD&ĐT BẮC GIANG
TRƯỜNG THPT TÂN YÊN SỐ 1

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM MÔN NGỮ VĂN 10
KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I NĂM HỌC 2022 - 2023

Thời gian: 90 phút (không kể thời gian giao đề)

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	B	0,5
	2	A	0,5
	3	C	0,5
	4	B	0,5
	5	C	0,5
	6	C	0,5
	7	A	0,5
	8	Tài năng chỉ có thể phát triển lâu dài và bền vững trên nền tảng một xã hội trung thực, vì: <i>Xã hội trung thực mới tôn trọng/ tôn vinh thực lực, những giá trị thực của con người.</i> Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời tương đương như đáp án: 0,5 điểm. - Học sinh trả lời có nội dung phù hợp nhưng diễn đạt chưa tốt: 0,25 điểm. - Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời: 0,0 điểm. * Lưu ý: Học sinh có thể trả lời khác đáp án nhưng thuyết phục, diễn đạt nhiều cách miễn hợp lý là chấp nhận được.	0,5

	9	Gợi ý những thông điệp rút ra từ văn bản: - Mỗi người (đặc biệt là trí thức) biết sống trung thực thì góp phần xây dựng xã hội văn minh. - Sống trung thực sẽ tạo được niềm tin, sự ngưỡng mộ. ... Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời tương đương 01 ý như đáp án: 1,0 điểm. - Học sinh trả lời có nội dung phù hợp nhưng diễn đạt chưa tốt: 0,25 – 0,75 điểm. - Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời: 0,0 điểm. * Lưu ý: Học sinh có thể trả lời khác đáp án nhưng thuyết phục, diễn đạt nhiều cách miễn hợp lý là chấp nhận được	1.0
	10	Gợi ý những phẩm chất HS có thể rút ra từ văn bản: - Sáng tạo - Năng động ... Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời tương đương 02 ý như đáp án: 1.0 điểm. - Học sinh trả lời tương đương 01 ý như đáp án: 0.5 điểm. - Học sinh trả lời có nội dung phù hợp nhưng diễn đạt chưa tốt: 0,25 – 0,75 điểm. - Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời: 0,0 điểm. * Lưu ý: Học sinh có thể trả lời khác đáp án nhưng thuyết phục, diễn đạt nhiều cách miễn hợp lý là chấp nhận được	1.0
II		LÀM VĂN	4,0
		a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận: Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: Phẩm chất trung thực trong cuộc sống Hướng dẫn chấm: - Học sinh xác định đúng vấn đề cần nghị luận: 0,25 điểm. - Học sinh xác định chưa đúng vấn đề cần nghị luận: 0,0 điểm.	0,25

		<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận:</i> * <i>Nêu vấn đề:</i> Phẩm chất trung thực trong cuộc sống * <i>Triển khai vấn đề:</i> HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Đảm bảo một số ý sau: - <i>Giải thích:</i> trung thực và người có đức tính trung thực; - <i>Bàn luận:</i> + Biểu hiện của phẩm chất trung thực: không gian dối, không bao che cái xấu, tin tưởng công lý, dám đấu tranh với cái xấu cái ác, không ngại nhận lỗi, nhận khuyết điểm... + Vì sao cần phải có phẩm chất trung thực? ++ Người có tính trung thực sẽ giữ được chữ tín, được mọi người tin tưởng, tín nhiệm, yêu quý và dễ tạo cho mình những cơ hội, dễ thành công; ++ Trung thực là tiền đề của những đức tính quý báu khác như: cương trực, thẳng thắn..., giúp con người nâng cao phẩm giá bản thân... ++ Góp phần xây dựng xã hội trong sạch, văn minh, tốt đẹp... <i>(Kết hợp nêu dẫn chứng)</i> - Phê phán những người sống giả dối, hai mặt. - HS rút ra bài học nhận thức, hành động của bản thân. * Kết thúc vấn đề:	3.0 (0,25)
			(0,25)
			(1,75)
			0,5
			0,25
I + II		Hướng dẫn chấm: - <i>Phân tích đầy đủ, sâu sắc:</i> 2,0 điểm. - <i>Phân tích chưa đầy đủ hoặc chưa sâu:</i> 1,0 điểm - 1,75 điểm. - <i>Phân tích chung chung, sơ sài:</i> 0,25 điểm - 0,75 điểm.	
		<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. Hướng dẫn chấm: Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.	0,25
		<i>e. Sáng tạo:</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
			10

-----Hết -----